TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-ST
Ngày 05/4/2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Tuấn
2. Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2023/TLST-DS ngày 19/10/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 19/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS ngày 19/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn A, sinh năm 1968
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn:
1. Anh Lý Văn T, sinh năm 1979
2. Chị Giáp Thị T1, sinh năm 1985
Cùng địa chỉ: Bản B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Bà Giáp Thị T2, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do ông Trần Văn A đại diện theo ủy quyền.

(Ông A có mặt. Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là ông Trần Văn A trình bày:* Ông có cửa hàng kinh doanh thức ăn chăn nuôi từ năm 2010. Anh Lý Văn T là khách hàng mua cám của ông. Hai bên thỏa thuận miệng là ông đầu tư cám cho anh T chăn nuôi sau 04 - 05 tháng thì thanh toán hết tiền nợ chăn một lứa. Tuy nhiên anh T không trả được mà nợ đọng đến ngày 26/10/2012 là 91.325.000đồng, chốt lần thứ hai ngày 02/12/2012 là 131.025.000đồng, ông đã đòi nhiều lần nhưng anh T không trả. Sau đó anh T lại đề nghị mua trả tiền ngay nhưng rồi lại nợ, ngày 09/7/2016 hai bên chốt nợ anh T còn nợ ông 25.230.000đồng. Tổng cộng hai lần anh T còn nợ ông 156.255.000đồng. Anh T đã ký chốt nợ. Sau đó anh T đã nhiều lần trả nợ vào khoản 25.230.000đồng còn 10.055.000đồng cộng với khoản nợ 131.025.000đồng thành tổng số nợ là 141.080.000đồng, anh T cũng ký nợ số tiền này. Tuy nhiên hiện nay xem lại ông thấy có cộng nhầm, không phải còn 10.055.000đồng mà còn 9.330.000đồng nên ông chỉ yêu cầu anh T trả tổng số nợ chính xác là 140.355.000đồng

Về tiền lãi, khi chốt nợ là đã quá hạn trả nợ (xong lứa chăn nuôi là phải trả), vì anh T không trả nợ cho ông đúng hạn nên ông yêu cầu anh T phải trả lãi chậm trả cho ông từ khi chốt nợ các khoản là: Lãi trên 131.025.000đồng tính từ ngày 02/12/2012 đến ngày 30/12/2016 theo mức lãi suất chậm trả là 0,75%/tháng, từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử vụ án thì tính theo mức 0,83%/tháng. Còn khoản 9.330.000đồng tính từ ngày 09/7/2016 đến ngày 30/12/2016 theo mức lãi suất chậm trả là 0,75%/tháng, từ ngày 01/01/2017 đến khi xét xử vụ án thì tính theo mức 0,83%/tháng.

Số tiền anh T nợ ông là tiền vợ chồng ông bán cám cho anh T chăn nuôi nên ông yêu cầu vợ chồng anh T phải trả nợ cho vợ chồng ông.

- *Bị đơn là anh Lý Văn T và chị Giáp Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Giáp Thị T2 không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Bà Giáp Thị T2 đã ủy quyền cho ông A tham gia tố tụng.*

- *Tại phiên tòa,* ông A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Đại diện VKSND huyện Yên Thế phát biểu ý kiến*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Lý Văn T và chị Giáp Thị T1 phải trả cho ông Trần Văn A và bà Giáp Thị T2 nợ gốc là 140.355.000 đồng, tiền lãi là 149.944.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 290.299.000 đồng. Anh T và chị T1 phải chịu 14.514.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông A khởi kiện anh T yêu cầu trả tiền mua cám còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Anh T có địa chỉ tại huyện Y. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bà T2 đã ủy quyền cho ông A tham gia tố tụng. Anh T, chị T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông A:

2.1. Về số tiền anh T còn nợ ông A: Theo lời khai của ông A phù hợp với các chứng cứ ông A cung cấp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định được: Ông An bán cám chăn nuôi cho anh T từ khoảng năm 2011. Hai bên thỏa thuận anh T chăn nuôi xong "lứa" thì trả nợ nhưng anh T không trả nợ đúng hạn. Đến ngày 02/12/2012 hai bên chốt nợ anh T còn nợ ông A 131.025.000đồng. Sau đó anh T lại đề nghị mua trả tiền ngay nhưng rồi lại nợ, ngày 09/7/2016 hai bên chốt nợ anh T còn nợ ông 25.230.000đồng, đây là khoản nợ mới, không liên quan đến khoản nợ 131.025.000đồng. Anh T đã ký chốt 02 khoản nợ này trong tờ giấy "HẢI TIẾN". Tổng cộng hai lần anh T còn nợ ông 156.255.000đồng. Sau đó anh T đã nhiều lần trả nợ và tính đến ngày 08/12/2022 còn nợ là 141.080.000đồng, anh T cũng ký nợ số tiền này ở mặt sau tờ giấy "HẢI TIẾN". Tuy nhiên hiện nay xem lại ông A thấy có cộng nhầm, ông xác định anh T chỉ còn nợ 140.355.000đồng chứ không phải 141.080.000đồng. Số tiền này trùng khớp với ghi chép trong các chứng cứ ông A cung cấp cho Tòa án nên có căn cứ chấp nhận. Anh T mặc dù đã được thông báo về việc ông A khởi kiện nhưng anh không trình bày ý kiến thể hiện quan điểm của mình nên anh phải chịu hậu quả pháp lý về việc không cung cấp ý kiến cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của ông A. Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh T còn nợ ông A 140.355.000đồng như các bên đã chốt nợ các ngày 02/12/2012, 09/7/2016 và 08/12/2022. Từ

đó đến nay anh T vẫn chưa trả nợ cho ông A. Tại các Điều 430, khoản 3 Điều 434 Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng mua bán tài sản đã ghi: "Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản". Nay đã quá hạn nhiều năm mà anh T chưa trả nợ cho ông A là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông A khởi kiện yêu cầu trả nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc anh T phải trả cho ông A số nợ còn lại 140.355.000đồng.

2.2. Về yêu cầu trả lãi: Khi mua bán hai bên thỏa thuận chăn nuôi xong lứa phải trả nợ nhưng đến hạn anh T không trả nợ. Sau đó hai bên chốt lập giấy chốt nợ. Vì anh T không trả nợ cho ông đúng hạn nên ông A yêu cầu anh T phải trả lãi chậm trả cho ông trên số tiền hiện nay còn nợ từ khi chốt nợ từng khoản đến khi xét xử theo các mức lãi suất chậm trả tương ứng với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 là 0,75%/tháng và 0,83%/tháng theo quy định của Bộ luật dân sự đang có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 là có căn cứ. Cụ thể là: Tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: "Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này". Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: "1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này". Tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này quy định: "Trường hợp các bên ...thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (20%/năm) quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ". Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: " Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố...", theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng N công bố thì lãi suất cơ bản là 9%/năm tức 0,75%/tháng. Căn cứ các quy định này thì ông A yêu cầu tính lãi chậm trả như nêu trên là đúng pháp luật và mức lãi suất yêu cầu trả không trái quy định pháp luật nên chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông A.Cụ thể, tiền lãi là:

- Lãi của 131.025.000đồng từ ngày 02/12/2012 đến ngày 08/7/2016 là 131.025.000đồng x 0,75% tháng = 982.500đồng/tháng x 43 tháng + 32.500đồng/ngày x 06 ngày = 42.247.500 + 195.000 = 42.442.500đồng.

- Lãi của 140.355.000 đồng từ ngày 09/7/2016 đến ngày 30/12/2016 là 140.355.000 đồng x 0,75% tháng = 1.052.500đồng/tháng x 05 tháng + 35.000đồng/ngày x 21 ngày = 5.262.500đồng + 735.000 = 5.997.500đồng.

- Lãi của 140.355.000 đồng từ ngày 01/01/2017 đến ngày 05/4/2024 là 140.355.000 đồng x 0,83% tháng = 1.164.500đồng/tháng x 87 tháng + 38.500đồng/ngày x 05 ngày = 101.311.500 + 192.500 = 101.504.000đồng

Tổng tiền lãi chậm trả là 149.944.000 đồng. Cả nợ gốc và lãi chậm trả là 140.355.000 đồng + 149.944.000 đồng = 290.299.000 đồng.

2.3. Về trách nhiệm trả nợ: Ông A yêu cầu vợ chồng anh T chị T1 phải trả nợ cho ông A và bà T2. Xét thấy, số tiền anh T nợ là tài sản chung của ông A và bà T2. Anh T mua cám chăn nuôi phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên chị T1 không tham gia mua cám vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng anh T. Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần buộc vợ chồng anh T chị T1 phải liên đới trả nợ số tiền 290.299.000 đồng cho ông A và bà T2.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí, trả lại ông A số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh T chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông A được Tòa án chấp nhận là 290.299.000 đồng x 5% = 14.514.000đồng

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 290, Điều 357, Điều 430, khoản 3 Điều 434, khoản 3 Điều 440, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn A đối với anh Lý Văn T và chị Giáp Thị T1.

Buộc Anh Lý Văn T và chị Giáp Thị T1 phải trả cho ông Trần Văn A và bà Giáp Thị T2 số nợ gốc là 140.355.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 149.944.000 đồng, tổng cả gốc và lãi chậm trả là 290.299.000 đồng (hai trăm chín mươi triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Anh Lý Văn T và chị Giáp Thị T1 phải chịu 14.514.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Trần Văn A số tiền 3.442.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000370 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thế Đăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng